

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2024

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và ông Vũ Nguyên Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 524/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trí C, sinh năm 1982; HKTT: Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi tạm trú: Số A V, khu phố B, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Thái L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đồng Thị L1, sinh năm 1986; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được bị đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Đồng Nam Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, ngõ D, D, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Trí C trình bày:

Anh và chị Đồng Thị L1 quen biết nhau từ khi hai anh chị còn ở Liên Bang N. Sau thời gian tìm hiểu, anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng. Năm 2010, anh và chị L1 về Việt Nam để làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thời điểm này do các con còn nhỏ nên anh chị vẫn cố gắng tiếp tục chung sống cùng nhau. Năm 2018, anh đi lao động tại Hàn Quốc, còn chị L1 đi lao động tại Đài Loan. Do trước đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nên từ khi đi nước ngoài, hai anh chị chỉ liên lạc với nhau khi gia đình hoặc con cái có việc cần thiết. Còn về mặt tình cảm thì anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương nhau và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đồng Thị L1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/6/2010. Hiện nay con chung đang ở với bà nội là Nguyễn Thị H. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng muốn được nuôi con chung. Tuy nhiên, chị L1 cũng có quan điểm xin được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con nên anh đồng ý giao con cho chị L1 nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, bị đơn chị Đồng Thị L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trí C tổ chức lễ cưới và về chung sống cùng nhau vào ngày 20/10/2009. Thời điểm cưới, cả 02 anh chị cùng đang làm ăn sinh sống ở Nga. Ngày 21/6/2010, anh chị về Việt Nam đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2021, anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh C có mối quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C có đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2010. Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng bố và bà nội. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Do cháu Phương A vẫn

đang sinh sống và học tập tại phường V, thành phố C nên chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H (là bà nội) chăm sóc cháu Phương A cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung: Tại Đơn yêu cầu chia tài sản chung, chị xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái bằng 02 tầng, diện tích 100m²/1 sào, làm vào năm 2010. Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 10, diện tích 850m², địa chỉ tại Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị H (là mẹ chồng chị). Đến nay, chị và anh C đã tự thỏa thuận về việc phân chia ngôi nhà này, do vậy chị xin rút đơn yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung nữa. Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trí C. Chị L1 ủy quyền cho bà chăm sóc cháu Phương A trong thời gian chị L1 không có mặt tại Việt Nam, bà đồng ý.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và gửi bản luận cứ trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh Nguyễn Trí C được ly hôn chị Đồng Thị L1. Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con của anh C, chị L1. Giao con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2010 cho chị L1 nuôi dưỡng. Chị L1 không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L1, anh C đã tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết nội dung này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trí C ly hôn chị Đồng Thị L1. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/6/2010 cho chị L1 nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Trí C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Đồng Thị L1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản chị Đồng Thị L1 gửi về ủy quyền cho anh Đồng Nam Đ nộp thay gồm Đơn yêu cầu chia tài sản ngày 15/02/2024; văn bản ủy quyền ngày 15/02/2024; văn bản trình bày ngày 15/02/2024; đơn đề nghị giám định ngày 15/02/2024; Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 10/4/2024 chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của chị L1 trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 1303/KL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: *“Các dấu vân tay ký hiệu DV1, DV3, DV5, DV5, DV7, DV9 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ trái trên 01 Căn cước công dân số 030186002300 mang tên Đồng Thị L1 là của cùng một người. Các dấu vân tay ký hiệu DV2, DV4, DV6, DV8, DV10 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ phải trên 01 Căn cước công dân số 030186002300 mang tên Đồng Thị L1 là của cùng một người”*. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản chị L1 gửi về đúng là ý chí, quan điểm của chị L1.

[1.3] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trí C và chị Đồng Thị L1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 21/6/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh C và chị L1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh C trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, còn theo chị L1 trình bày là do anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2018, chị L1 đi lao động tại Đài Loan. Nay anh C và chị L1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn, chị L1 đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị L1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh C được ly hôn chị L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Trí C và chị Đồng Thị L1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/6/2010. Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng bà nội là Nguyễn Thị H. Sau khi ly hôn, anh C và chị L1 đều thống nhất giao cho chị L1 nuôi dưỡng cháu Phương A. Trong thời gian ở nước ngoài, chị L1 ủy quyền cho bà H chăm sóc cháu Phương A, bà Hòa đồng ý. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Chị L1 tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3] Về tài sản chung: Ngày 15/02/2024, chị Đồng Thị L1 có đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Trước khi Tòa án thụ lý yêu cầu của chị L1, anh C và chị L1 đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, đồng thời chị L1 đã có văn bản trình bày ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Nay anh C và chị L1 đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung khi ly hôn do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết nội dung này.

[2.4] Về nợ chung: Anh C và chị L1 xác định không có, không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Trí C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trí C về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trí C ly hôn chị Đồng Thị L1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đồng Thị L1 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/6/2010 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu Phương A tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L1 không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trí C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do chị Vũ Thị C1 nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000304 ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trí C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Đồng Thị L1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất